

Giải SBT Toán 7 bài 10: Làm tròn số

Câu 1: Làm tròn số các chữ số sau đây đến chữ số thập phân thứ nhất:

6,70; 8,45; 2,119; 6,092; 0,05; 0,035; 29,88; 9,99

Lời giải:

$6,70 \approx 6,7$; $8,45 \approx 8,5$; $2,119 \approx 2,1$; $6,092 \approx 6,1$

$0,05 \approx 0,1$; $0,035 \approx 0,0$

Câu 2: Làm tròn các số sau đây:

a. Tròn chục: 5032,6; 991,23

b. Tròn trăm: 59436; 56873

c. Tròn nghìn: 107605; 288097,3

Lời giải:

a. Tròn chục: $5032,6 \approx 5030$; $991,23 \approx 990$

b. Tròn trăm: $59436 \approx 59400$; $56873 \approx 56900$

c. Tròn nghìn: $107605 \approx 108000$; $288097,3 \approx 288000$

Câu 3: Tìm giá trị gần đúng của chiều dài một lớp học với kết quả năm lần đo là: 10,27m; 10,25m; 10,28m; 10,26m; 10,23m

Lời giải:

Chiều dài đúng của lớp học:

$(10,27 + 10,25 + 10,28 + 10,26 + 10,23) : 5 \Leftrightarrow 10,26$

Câu 4: Tính chu vi và diện tích của một sân vuông có cạnh đo được là 12,4m (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

Lời giải:

Chu vi của sân là: $12,4 \cdot 4 = 49,6\text{m}$

Diện tích của sân là: $12,4 \cdot 12,4 = 153,76 \Leftrightarrow 153,8\text{m}$

Câu 5: Biết 1 inh-sơ (inch), kí hiệu “in” bằng 2,54cm. Hỏi 1cm gần bằng bao nhiêu inh-sơ (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)

Lời giải:

$1 \text{ (inch)} = 2,54 \text{ cm}$

$1 \text{ cm} \approx 0,4 \text{ inch}$

Câu 6: Biết 1m gần bằng 3,28 (phút) (foot) kí hiệu “ft”. Hỏi 1ft bằng bao nhiêu mét (làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư)

Lời giải

$1\text{m} \approx 3,28 \text{ ft}$

1ft $\approx$ 0,3049m

Câu 7: Viết các hỗn số sau đây dưới dạng số thập phân gần đúng (làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư)

a. $1\frac{2}{3}$ b. $5\frac{1}{7}$ c. $4\frac{3}{11}$

Lời giải:

a. $1\frac{2}{3} = 1.666... \approx 1.67$

b. $5\frac{1}{7} = 5.14285714285714... \approx 5.14$

c. $4\frac{3}{11} = 4.272727... \approx 4.27$

Câu 8: Thực hiện phép tính rồi làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai:

a) $5,3013 + 1,49 + 2,364 + 0,154$

b) $(2,635 + 8,3) - (6,002 + 0,16)$

c) $96,3.3.0,07$

d) $4,508 : 0,19$

Lời giải:

a) $5,3013 + 1,49 + 2,364 + 0,154 = 6,7913 + 2,364 + 0,154$
 $= 9,1553 + 0,154 = 0,93093 \approx 9,31$

b) $(2,635 + 8,3) - (6,002 + 0,16) = 10,935 - 6,162 = 4,773 \approx 4,77$

c) $96,3.3.0,07 = 289,5741 \approx 289,57$

d) $4,508 : 0,19 = 23,72631579 \approx 23,73$

Câu 9: Ước lượng kết quả các phép tính sau:

a. 21608.293

b. 11,032.24,3

c. 762,40:6

d. 57,80 : 49

Lời giải:

a) $21608.293 \approx 2000.300 = 6000000$

b) $11,032.24,3 \approx 10.20 = 200$

c) $762,40:6 \approx 800 : 6 \approx 133$

d) $57,80 : 49 \approx 60 : 50 \approx 1,2$

Câu 10: Ta có thể áp dụng quy ước làm tròn số để cộng và trừ nhằm các số nguyên và số thập phân. Ví dụ

a) $798 + 248 = (800-2) + 248 = (800 + 248) - 2 = 1048 - 2 = 1046$

b) $7,31 - 0,96 = 7,31 - (1-0,04) = (7,31 - 1) + 0,04$
 $= 6,31 + 0,04 = 6,35$

Theo cách trên em hãy tính nhẩm

a) $257 + 319$

b) $6,78 - 2,99$

Lời giải:

a) $257 + 319 = 257 + (320 - 1) = (257 + 320) - 1$
 $= 577 - 1 = 576$

b) $6,78 - 2,99 = 6,78 - (3 - 0,01) = (6,78 - 3) + 0,01$
 $= 3,78 + 0,01 = 3,79$

Câu 11: Bốn mảnh đất A, B, C, D có diện tích lần lượt là $196,75 \text{ m}^2$; $89,623 \text{ m}^2$; $127,02 \text{ m}^2$ và $102,9 \text{ m}^2$.

- Tính tổng diện tích 4 mảnh đất đó (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)
- Mảnh đất A rộng hơn mảnh đất B bao nhiêu mét vuông (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)
- Mảnh đất D hẹp hơn mảnh đất C bao nhiêu mét vuông (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)
- So sánh tổng diện tích 2 mảnh đất A, B và tổng diện tích 2 mảnh đất C, D

Lời giải:

a) $196,75 + 89,623 + 127,02 + 102,9 = 516,293 \approx 516,3 \text{ m}^2$

b) $196,75 - 89,623 = 107,127 \approx 107,1 \text{ m}^2$

c) $127,02 - 102,9 = 24,12 \approx 24,1 \text{ m}^2$

d) $(196,75 + 89,623) - (127,02 + 102,9) = 56,453 \approx 56,5 \text{ m}^2$

Tổng diện tích hai mảnh A, B hơn tổng diện tích hai mảnh C, D khoảng $56,5 \text{ m}^2$